



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2015-2016

Class: ELEMENTARY 1

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Phan Tam An	9.0	8.6	8.7	8.3			9.5		7.0	8.9			8.6	B
2	Banh Minh Anh	7.9	7.7	7.0	7.2			6.1		3.4	5.1			6.3	D
3	Tran Thuy Quynh Anh	8.6	8.2	7.1	7.6			7.1		6.0	8.1			7.5	C
4	Pham Nguyen Binh	6.4	7.7	6.3	6.3			5.8		4.4	3.4			5.8	D
5	Le Hoang Dung	5.1	6.7	6.1	4.1			4.7		4.6	5.2			5.2	D
6	Tran Nguyen Thuy Duong	9.8	9.1	7.7	9.1			9.4		9.4	9.3			9.1	A
7	Pham Minh Hoa	8.7	8.9	7.7	7.5			7.6		5.4	7.0			7.5	C
8	Huynh Gia Huy	8.5	9.3	7.3	9.0			8.6		6.0	6.4			7.9	C
9	Tran Quang Huy	7.9	7.6	6.2	6.4			5.5		6.0	4.7			6.3	D
10	Kim Van Khanh	9.0	9.2	7.8	9.0			9.6		6.4	9.6			8.7	B
11	Bao Quy Tay Khe	9.1	8.7	7.5	8.6			7.1		5.2	8.0			7.7	C
12	Nguyen Anh Khoa	9.4	9.2	8.6	9.0			9.4		6.7	8.7			8.7	B
13	Pham Hoang Bao Nhi	8.4	8.9	6.6	7.8			6.1		5.4	6.9			7.2	C
14	Nguyen Ngoc Minh Nhu	8.9	9.3	9.0	9.0			9.6		8.2	9.4			9.1	A
15	Nguyen Quoc Hoang Ninh	9.3	9.6	8.2	8.4			8.9		7.2	7.1			8.4	B
16	Nguyen Pham Thai Quoc	9.4	8.9	8.3	8.4			8.7		6.2	8.5			8.3	B
17	Huynh Nhat Son	7.9	8.2	7.4	8.0			9.0		6.7	7.4			7.8	C
18	Nguyen Le Hai Tan	7.2	8.0	7.6	6.2			6.8		4.0	5.2			6.4	D
19	Doan Nguyen Hai Thanh	9.0	8.6	7.1	7.9			9.6		5.7	7.0			7.8	C
20	Nguyen Quang Vinh	8.3	7.4	7.1	7.4			7.2		6.5	5.2			7.0	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Huynh Thi Nguyen Thao

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I SCHOOL YEAR 2015-2016

Class: **ELEMENTARY 2**

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Truong Le Hoai An	8.8	9.2	7.4	8.1			8.2		5.5	7.7			7.8	C
2	Dao Quang Nam Anh	8.4	9.1	7.4	8.6			10.0		6.2	9.5			8.5	B
3	Nguyen Duc Anh	7.7	8.2	7.7	7.4			5.2		6.2	6.1			6.9	C
4	Nguyen Minh Anh	9.3	9.2	7.9	8.3			9.6		6.8	7.4			8.4	B
5	Pham Hong Duc	8.8	8.8	8.9	8.0			6.4		7.0	6.9			7.8	C
6	Nguyen Khanh Duyen	8.9	8.4	7.7	7.3			10.0		4.7	8.7			8.0	B
7	Nguyen Hoang Anh Huy	8.6	9.6	8.4	8.8			9.8		6.7	8.9			8.7	B
8	Nguyen Anh Khoa	8.7	9.7	8.2	9.0			9.8		7.6	9.8			9.0	A
9	Pham Dang Khoa	7.3	7.3	6.8	6.6			7.9		3.8	5.5			6.5	C
10	Mai Hoang Khoi	9.0	8.6	6.3	7.1			8.0		6.6	8.5			7.7	C
11	Pham Hong Lam	9.7	9.3	8.0	8.5			9.7		6.6	9.2			8.7	B
12	Luong Minh Luc	8.2	8.2	7.2	6.1			7.3		5.3	6.8			7.0	C
13	Nguyen Quoc Pho Nghi	8.4	8.4	8.2	8.2			9.7		6.8	9.2			8.4	B
14	Pham Binh Nguyen	7.4	7.1	5.2	6.5			5.2		5.0	5.9			6.0	D
15	Le Gia Phat	8.7	9.0	7.8	9.0			9.8		7.0	8.9			8.6	B
16	Do Toan Thang	7.9	8.1	6.2	7.8			7.7		4.7	5.5			6.8	C
17	Ngo Quang Vinh	5.7	7.3	5.5	4.8			6.3		3.9	6.1			5.7	D
18	Nguyen Khanh Van	8.8	8.5	6.8	6.9			9.4		5.4	7.9			7.7	C
19	Nguyen Doan Le Dung	8.9	9.5	8.1	9.1			9.8		6.9	9.7			8.9	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi My Phuong

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2015-2016

Class: ELEMENTARY 3

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Nguyen Thi Ai	8.2	9.2	6.1	7.5			6.5		6.6	7.5			7.4	C
2	Nghiem Minh Anh	8.8	9.1	8.9	8.9			9.5		6.3	8.1			8.5	B
3	Chang Rong Chuan	6.9	7.1	6.0	6.2			5.9		5.4	3.9			5.9	D
4	Huynh Ton Khang	8.8	8.6	7.7	7.6			9.1		7.2	7.1			8.0	B
5	Le Phuoc Thanh Long	7.3	6.9	5.7	6.3			5.9		4.4	6.9			6.2	D
6	Tran Kim Ly	9.0	8.7	7.7	8.7			7.1		6.1	7.5			7.8	C
7	Nguyen Ha Bao Ngoc	8.8	9.6	9.3	9.6			9.7		9.3	10.0			9.5	A
8	Nguyen Minh Nhat	6.9	8.0	5.3	6.9			7.6		5.8	7.2			6.8	C
9	Pham Thanh Phat	7.2	6.6	5.2	5.8			5.7		5.5	7.6			6.2	D
10	Truong Ai Phuong	6.7	7.7	7.1	7.0			5.8		4.2	4.4			6.1	D
11	Cao Minh Quan	8.9	9.6	8.4	8.4			9.7		7.0	9.4			8.8	B
12	Nguyen Dinh Nhat Quang	8.8	9.7	9.3	9.5			9.2		6.8	8.8			8.9	B
13	Vo Ngoc Thuy	8.3	9.0	9.2	9.1			9.5		8.2	9.6			9.0	A
14	Dinh Hoang Tram	8.1	8.2	8.3	7.3			6.9		5.8	6.3			7.3	C
15	Vo Thi Phuong Van	7.3	7.6	7.4	7.1			6.2		6.5	5.6			6.8	C
16	Truong Quang Vinh	7.6	8.7	6.4	7.8			7.4		6.5	6.4			7.3	C
17	Nguyen Nhat Phuong Vy	9.3	9.2	7.5	8.6			9.5		6.9	8.0			8.4	B
18	Tran Thao Vy	8.3	6.5	6.1	7.1			9.2		4.7	8.4			7.2	C
19	Vo Thuy Truc Vy	8.3	8.6	8.0	8.6			9.1		6.3	8.0			8.1	B
20	Tran Thien Y	8.2	8.4	7.9	8.7			9.5		6.9	9.8			8.5	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Ngoan

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2015-2016

Class: ELEMENTARY 4

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Luc Gia Binh	9.8	9.4	9.5	9.5			9.6		5.8	9.5			9.0	A
2	Do Nguyen Linh Dan	9.4	8.8	8.5	8.4			9.5		7.7	8.7			8.7	B
3	Nguyen Phuoc Huy Hoang	8.0	8.3	7.1	7.6			9.5		5.4	8.6			7.8	C
4	Phan Minh Hoang	7.0	7.4	6.3	4.3			6.1		6.1	4.6			6.0	D
5	Pham Tam Khanh	9.6	9.2	8.4	8.5			9.7		7.5	9.7			8.9	B
6	Nguyen Hoan Phi Long	9.2	8.1	7.7	6.5			6.5		3.9	5.1			6.7	C
7	Dao Anh Minh	9.4	8.7	6.7	7.7			7.9		5.9	5.7			7.4	C
8	Nguyen Thanh Binh Minh	8.8	7.4	6.8	7.5			7.0		5.2	6.1			7.0	C
9	Tran Vu Hoang Minh	8.9	8.3	6.4	7.5			7.5		8.5	6.0			7.6	C
10	Nguyen Vo Thao My	8.6	9.4	7.7	8.3			8.7		8.6	9.6			8.7	B
11	Nguyen Ngoc Nam	8.8	9.3	7.7	8.4			9.1		6.4	5.2			7.8	C
12	Nguyen Song Uyen Nhi	9.5	8.9	7.6	7.8			9.8		7.4	8.0			8.4	B
13	Ho Tam Nhu	8.9	8.6	8.7	8.2			9.1		6.7	8.7			8.4	B
14	Le Tan Phat	9.0	9.0	7.8	6.7			8.4		3.9	6.2			7.3	C
15	Bui Tran Nam Phuong	9.4	8.1	5.4	5.2			4.7		2.9	3.0			5.5	D
16	Tran Van Chon Tam	9.5	8.6	7.6	8.2			9.3		6.6	9.6			8.5	B
17	Phan Nguyen Thuy Tien	9.3	8.4	6.7	7.5			7.9		5.6	8.2			7.7	C

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Pham Thi Giang

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER I
SCHOOL YEAR 2015-2016

Class: ELEMENTARY 5

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Literature	Geography	History	Economics	Math	Biology	Physics	Chemistry	Ranking	
														GPA	Ranking
1	Bui Tran Trung Anh	9.0	8.9	7.5	8.4			8.0		6.8	6.6			7.9	C
2	Le Dao Tuyet Anh	8.8	7.3	8.1	8.1			6.0		7.2	6.4			7.4	C
3	Pham Phan Duc Anh	9.2	9.2	7.7	8.3			8.6		8.4	7.3			8.4	B
4	Huynh Thi Linh Chi	8.6	9.8	7.1	8.6			5.6		7.1	6.6			7.6	C
5	Pham Ngoc Khanh Dang	8.8	8.9	8.2	8.5			7.0		8.0	8.6			8.3	B
6	Lam Khai Duy	3.4	5.4	7.7	3.1			2.2		3.6	2.6			4.0	F
7	Le Huynh Bao Han	8.1	8.2	7.6	8.4			8.2		6.7	7.3			7.8	C
8	Nguyen Huynh Bao Khanh	8.3	9.0	8.3	8.6			7.9		5.9	7.5			7.9	C
9	Tran Ngoc Khanh	8.0	7.3	5.8	7.7			7.0		5.7	4.6			6.6	C
10	Nguyen Thi Hoang Kim	7.5	7.3	5.4	6.1			4.6		4.6	4.0			5.6	D
11	Nguyen Hoang Bao Long	9.6	9.9	9.0	9.3			9.7		8.5	8.6			9.2	A
12	Pham Ngoc Gia Minh	7.5	5.3	4.7	6.7			4.9		6.5	4.6			5.7	D
13	Le Tran Kim Ngan	8.3	7.7	6.6	6.0			5.2		4.2	5.0			6.1	D
14	Mahon Julie Huu Ngoc	7.6	7.3	6.8	7.1			5.1		2.6	3.8			5.8	D
15	Nguyen Ngoc Thao Nguyen	9.1	9.2	8.8	8.5			9.4		8.3	7.2			8.6	B
16	Tran Thanh Khoi Nguyen	9.0	8.5	8.2	7.5			6.7		5.7	5.9			7.4	C
17	Do Mai Khanh Nhi	8.3	8.0	5.6	6.2			4.5		4.1	3.7			5.8	D
18	Hoang Mai Phuong	8.9	8.5	6.4	7.1			6.2		4.7	6.0			6.8	C
19	Pham Huyen Nhu Phuong	8.0	6.5	5.2	6.9			4.5		4.1	4.2			5.6	D
20	Fei Stubbs	9.9	9.2	9.5	8.8			9.3		5.6	9.7			8.9	B
21	Ly Phung Thanh	9.1	8.9	8.4	8.1			8.3		8.1	9.2			8.6	B
22	Pham Nghiem Trac	9.7	9.4	8.9	9.3			9.4		7.4	8.8			9.0	A
23	Banh Minh Tri	9.0	8.7	8.1	8.7			8.3		7.8	5.1			8.0	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Mai Thi Nga

Nguyen Thi Hoang Anh

Nguyen Thi Hong Dung